chóng zi

虫子

Noun · insect

Example Sentences

zhuó mù niǎo zài shù shàng zhuó dòng zhǎo chóng zǐ
啄 木 鸟 在 树 上 啄 洞 找 虫 子。

The woodpecker pecks holes in trees to find insects

huā yuán lǐ yǒu hěn duō piào liang de chóng zi
花 园 里 有 很 多 漂 亮 的 虫 子。

There are many beautiful insects in the garden.

wǒ yàn wù chóng zi
我 厌 恶 虫 子。

I dislike bugs.

Trace each character, then write the word on your own.

虫 虫 虫 虫 虫 虫 虫 虫 虫

子 子 子 子 子 子